TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T O** **THÀNH PHỐ H N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **189**/2019/QĐST-HNGĐ	*T O, ngày 23 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn: Anh N C S, sinh năm 1995.*

Nơi đăng ký HKTT: thôn B N, xã T V, huyện T O, thành phố H N.

- *Bị đơn: Chị N T H, sinh năm 1996.*

Nơi đăng ký HKTT: thôn B N, xã T V, huyện T O, thành phố H N.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh N C S và chị N T H.

2. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N C S và chị N T H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh N C S và chị N T H có 01 con chung là cháu N C L, sinh ngày 06/9/2015. Anh S và chị H thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung N C L, sinh ngày 06/9/2015; Việc cấp dưỡng nuôi con anh S và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về án phí:* Anh S tự nguyện nộp cả 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại anh S 150.000đồng (Được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí, tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01906 ngày 02 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T O, thành phố H N).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :
- TAND TP H N ;
- VKSND huyện T O;
- THADS huyện T O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
Thẩm phán

Nguyễn Tiến Hùng